

BỘ BƯU CHÍNH, VIỄN THÔNG

**BỘ BƯU CHÍNH,
VIỄN THÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 10/2006/CT-BBCVT

Hà Nội, ngày 29 tháng 9 năm 2006

CHỈ THỊ

Về triển khai thực hiện Quyết định của Thủ tướng Chính phủ “Phê duyệt Quy hoạch phát triển Viễn thông và Internet Việt Nam đến năm 2010”

Ngày 07 tháng 02 năm 2006, Thủ tướng Chính phủ đã có Quyết định số 32/2006/QĐ-TTg phê duyệt Quy hoạch phát triển Viễn thông và Internet Việt Nam đến năm 2010, để tổ chức triển khai thực hiện Quyết định của Thủ tướng Chính phủ nhằm phát triển viễn thông và Internet Việt Nam theo Quy hoạch được phê duyệt. Bộ trưởng Bộ Bưu chính, Viễn thông chỉ thị:

1. Tổ chức phổ biến, quán triệt sâu sắc trong cán bộ, công chức, viên chức ở tất cả các cơ quan quản lý nhà nước và các doanh nghiệp viễn thông, Internet về Quy hoạch phát triển viễn thông và Internet Việt Nam đến năm 2010 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt; tăng cường công tác chỉ đạo, hướng dẫn, phối hợp chặt chẽ với các địa phương và các đơn vị liên quan, triển khai thực hiện Quy hoạch đề đẩy mạnh phát triển ngành viễn thông, Internet phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, chuẩn bị tốt cho quá trình hội nhập kinh tế quốc tế.

2. Tăng cường đầu tư và phát triển hạ tầng viễn thông, Internet có công nghệ hiện đại, chất lượng tốt. Cung cấp cho xã hội, người tiêu dùng các dịch vụ viễn thông và Internet hiện đại, đa dạng với giá cước tương đương hoặc thấp hơn mức bình quân của các nước trong khu vực, đáp ứng nhu cầu thông tin phục vụ kinh tế, xã hội, an ninh và quốc phòng. Thực hiện phổ cập các dịch vụ viễn thông và Internet đến tất cả các vùng, miền trong nước với chất lượng dịch vụ và phục vụ ngày càng cao. Đến năm 2010, mật độ điện thoại đạt từ 32 đến 42 máy/100 dân (trong đó mật độ điện thoại cố định là 14 đến 16 máy/100 dân); mật độ thuê bao Internet đạt từ 8 đến 12 thuê bao/100 dân (trong đó có 30% là thuê bao Internet băng rộng); tỷ lệ người sử dụng Internet đạt 25% đến 35% dân số; mật độ điện

thoại tại các vùng được cung cấp dịch vụ viễn thông công ích đạt trên 5 máy/100 dân; 100% số xã trên toàn quốc có điểm truy nhập dịch vụ điện thoại công cộng; 70% số xã trên toàn quốc có điểm truy nhập dịch vụ Internet công cộng; mọi người dân được truy nhập miễn phí khi sử dụng các dịch vụ viễn thông bắt buộc.

3. Đối với các đơn vị thuộc Bộ Bưu chính, Viễn thông.

Căn cứ chức năng nhiệm vụ, nghiên cứu, đề xuất các nội dung công việc, kế hoạch và tổ chức triển khai thực hiện nhằm hoàn thành Quy hoạch phát triển viễn thông và Internet Việt Nam đến năm 2010. Cụ thể như sau:

3.1. Vụ Viễn thông:

- Chủ trì xây dựng và trình ban hành các văn bản hướng dẫn các nội dung liên quan đến viễn thông và Internet trong Luật Giao dịch điện tử, Luật Công nghệ thông tin và Pháp lệnh Bưu chính Viễn thông.

- Tham gia nghiên cứu, triển khai việc xây dựng Luật Viễn thông.

- Căn cứ tình hình phát triển thị trường theo từng thời kỳ, báo cáo Bộ trưởng và trình Thủ tướng Chính phủ quyết định việc cấp phép cho các doanh nghiệp cung cấp hạ tầng mạng viễn thông và Internet.

- Chủ trì xây dựng và trình ban hành quy định về kết nối mạng viễn thông công cộng và sử dụng chung cơ sở hạ tầng nhằm sử dụng hiệu quả nguồn vốn đầu tư, tạo thuận lợi cho việc ký kết và thực hiện thỏa thuận kết nối giữa các doanh nghiệp. Chỉ đạo, đôn đốc, thực hiện quy định về thực hiện kết nối giữa các mạng viễn thông công cộng; phối hợp với các đơn vị liên quan giải quyết kịp thời các vấn đề về kết nối giữa các doanh nghiệp.

- Phối hợp với Vụ Kế hoạch Tài chính, Vụ Khoa học Công nghệ, Cục Tần số Vô tuyến điện, Cục Quản lý chất lượng BCVT và CNTT và các đơn vị liên quan xây dựng, ban hành các văn bản quy phạm pháp luật về cấp phép, tần số, tiêu chuẩn, chất lượng, giá cước để thực hiện quản lý nhà nước trong lĩnh vực truyền dẫn phát sóng, đặc biệt là truyền dẫn phát sóng phát thanh truyền hình.

- Chủ trì xây dựng và trình ban hành quy hoạch và quy định quản lý kho số viễn thông.

- Phối hợp với các đơn vị liên quan và các doanh nghiệp viễn thông, Internet tổ chức nghiên cứu cơ chế, chính sách và chỉ đạo việc triển khai cấp phép thử nghiệm các dịch vụ mới như WiMax, di động 3G, điện thoại IP vv...

- Chủ trì xây dựng và trình ban hành quy định về bán lại dịch vụ viễn thông. Tạo điều kiện cho các thành phần kinh tế tham gia đầu tư, kinh doanh, cung cấp dịch vụ viễn thông và Internet.

- Chủ trì xây dựng và trình ban hành quy định báo cáo định kỳ của các doanh nghiệp bưu chính, viễn thông và Internet.

- Phối hợp với các Bộ, Ngành và các đơn vị liên quan nghiên cứu, xây dựng, đề xuất phương án tổ chức thông tin liên lạc phục vụ công tác dự báo thiên tai và an toàn cứu nạn trên biển.

- Chủ động, phối hợp với Bộ Công an và các đơn vị liên quan xây dựng, ban hành quy định bảo đảm an toàn mạng lưới và an ninh thông tin trong lĩnh vực viễn thông và Internet.

3.2. Vụ Pháp chế: Chủ trì nghiên cứu, đăng ký Luật Viễn thông, Luật Bưu chính vào chương trình xây dựng Luật của Quốc hội, phối hợp với các đơn vị liên quan xây dựng và trình ban hành Luật Viễn thông, Luật Bưu chính để thay thế Pháp lệnh Bưu chính Viễn thông.

3.3. Vụ Kế hoạch Tài chính:

- Chủ trì xây dựng và trình ban hành cơ chế quản lý giá cước mới thay thế cho Quyết định số 217/2003/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 27 tháng 10 năm 2003 về quản lý giá cước dịch vụ bưu chính, viễn thông.

- Phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan từng bước đổi mới hệ thống lệ phí, phí cấp phép, sử dụng tài nguyên viễn thông và Internet (tần số, kho số, tên miền, địa chỉ Internet) theo nguyên tắc: Đảm bảo sử dụng hiệu quả, tiết kiệm, tránh lãng phí tài nguyên, đồng thời không làm tăng quá mức chi phí sản xuất, kinh doanh của các doanh nghiệp.

- Nghiên cứu, đề xuất phương án điều chỉnh giá cước các dịch vụ viễn thông theo hướng điều chỉnh giá cước các dịch vụ còn thấp hơn giá thành để đảm bảo hiệu quả kinh doanh của các doanh nghiệp trong điều kiện cạnh tranh và hội nhập kinh tế quốc tế.

- Nghiên cứu, đề xuất phương án điều chỉnh giá cước kết nối và giá cước thuê kênh giữa các doanh nghiệp trên cơ sở giá thành, xác định rõ phần đóng góp cho việc cung cấp dịch vụ viễn thông công ích trong giá cước kết nối.

- Phối hợp với Bộ Tài chính, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng và các đơn vị liên

quan nghiên cứu, ban hành cơ chế tài chính đối với hoạt động cung cấp dịch vụ viễn thông, Internet phục vụ các nhiệm vụ quốc phòng, an ninh và bảo đảm hoạt động cung cấp, sử dụng dịch vụ viễn thông, Internet của các cơ quan Đảng, Nhà nước;

- Chủ động đề xuất, phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư và các đơn vị liên quan trong việc triển khai thực hiện các dự án đầu tư trọng điểm trong lĩnh vực viễn thông và Internet; xây dựng, hoàn thiện và trình ban hành cơ chế đầu tư khẩn cấp phục vụ kết nối các mạng viễn thông công cộng.

- Chủ động đề xuất, phối hợp với Bộ Giao thông Vận tải và các đơn vị liên quan xây dựng, trình ban hành quy định hướng dẫn việc xây dựng các đường truyền dẫn viễn thông kết hợp đi dọc đường giao thông, cầu, cống, hè phố để đẩy nhanh tiến độ triển khai các dự án, công trình viễn thông và Internet.

3.4. Vụ Tổ chức Cán bộ:

- Chỉ đạo đổi mới tổ chức sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp viễn thông theo hướng hình thành tập đoàn, các tổng công ty mạnh, chuyên môn hóa cao, kinh doanh tự chủ, hạch toán độc lập đáp ứng yêu cầu của giai đoạn cạnh tranh hội nhập kinh tế quốc tế. Chỉ đạo việc triển khai Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam và các công ty con của Tập đoàn theo Quyết định số 58/2005/QĐ-TTg ngày 23 tháng 3 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ.

- Chủ động, phối hợp với Bộ Tài chính và các đơn vị liên quan đẩy nhanh quá trình cổ phần hóa các doanh nghiệp theo kế hoạch đã được phê duyệt, giai đoạn đầu tập trung vào các lĩnh vực cung cấp các dịch vụ giá trị gia tăng, Internet và thông tin di động. Khuyến khích và tạo điều kiện cho các doanh nghiệp viễn thông và Internet đã cổ phần hóa niêm yết trên thị trường chứng khoán trong và ngoài nước.

- Chủ động, phối hợp với Bộ Nội vụ và các đơn vị liên quan tiếp tục hoàn thiện bộ máy quản lý nhà nước về viễn thông và Internet từ trung ương đến địa phương; trong đó tập trung xây dựng, hoàn thiện và nâng cao năng lực các cơ quan, đơn vị quản lý chuyên ngành về viễn thông, tần số vô tuyến điện, Internet và an toàn, an ninh thông tin.

3.5. Vụ Hợp tác quốc tế:

- rà soát các điều ước quốc tế mà Việt Nam tham gia trong lĩnh vực viễn thông và Internet để đề xuất việc xây dựng mới hoặc bổ sung, sửa đổi các văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực này.

- Phối hợp với các đơn vị liên quan, nghiên cứu, đề xuất phương án hỗ trợ, định hướng cho các doanh nghiệp viễn thông, Internet trong quá trình mở cửa, hội nhập và gia nhập Tổ chức thương mại thế giới WTO.

- Tăng cường hợp tác song phương và đa phương để có thông tin, kinh nghiệm đào tạo và nguồn lực tài chính nhằm nâng cao năng lực quản lý nhà nước của Bộ.

3.6. Vụ Khoa học Công nghệ:

- Đẩy mạnh công tác xây dựng tiêu chuẩn trong lĩnh vực viễn thông và Internet phù hợp với pháp luật Việt Nam, thông lệ và quy định quốc tế.

- Xem xét, nghiên cứu việc hình thành các quỹ khoa học công nghệ để hỗ trợ cho công tác nghiên cứu, thử nghiệm, sản xuất công nghệ mới.

- Chỉ đạo việc nghiên cứu ứng dụng và chuyển giao công nghệ đặc biệt là công nghệ mới, công nghệ tiên tiến.

3.7. Thanh tra Bộ:

- Chỉ đạo; đôn đốc Thanh tra các Cục, Trung tâm thuộc Bộ và các Sở Bưu chính, Viễn thông tăng cường thanh tra, kiểm tra các hoạt động kinh doanh viễn thông và Internet, đặc biệt các hoạt động liên quan đến kết nối mạng, giá cước, chất lượng dịch vụ.

- Áp dụng tổng hợp các biện pháp kinh tế, kỹ thuật, nghiệp vụ, đồng thời tăng cường công tác phối hợp liên ngành nhằm ngăn chặn có hiệu quả hoạt động kinh doanh lậu trong lĩnh vực viễn thông và Internet.

- Xử lý nghiêm minh các tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm pháp luật trong lĩnh vực viễn thông và Internet theo quy định hiện hành.

- Thanh tra việc triển khai các chương trình viễn thông công ích của các đơn vị, doanh nghiệp.

- Chủ trì xây dựng, trình ban hành các văn bản quy phạm pháp luật, các văn bản hướng dẫn liên quan đến xử phạt vi phạm hành chính về viễn thông, Internet.

- Chỉ đạo các doanh nghiệp xây dựng quy chế giải quyết khiếu nại, đền bù thiệt

hại cho người sử dụng dịch vụ viễn thông, Internet khi lỗi do doanh nghiệp cung cấp dịch vụ gây ra.

3.8. Cục quản lý chất lượng Bưu chính Viễn thông và Công nghệ thông tin:

- Đẩy mạnh công tác quản lý chất lượng dịch vụ viễn thông và Internet: Tăng cường kiểm tra, giám sát chất lượng dịch vụ; công khai kết quả báo cáo, kiểm tra, giám sát chất lượng dịch vụ của các doanh nghiệp; thanh tra, xử lý vi phạm các quy định về quản lý chất lượng dịch vụ viễn thông, Internet.

- Nhanh chóng triển khai công tác quản lý, kiểm định công trình chuyên ngành kỹ thuật viễn thông đặc biệt là đối với các hệ thống ăng ten và mạng cáp ngoại vi.

- Tăng cường công tác quản lý chất lượng thiết bị, đặc biệt là thiết bị đầu cuối, thiết bị thông tin vô tuyến điện và các thiết bị khác có khả năng gây nhiễu cho thông tin vô tuyến điện thông qua các hình thức: Công bố phù hợp tiêu chuẩn, chứng nhận hợp chuẩn, thừa nhận lẫn nhau (MRA), quản lý tương thích điện từ trường (EMC).

3.9. Cục Tần số Vô tuyến điện phối hợp với Vụ Kế hoạch Tài chính, Vụ Viễn thông và các đơn vị liên quan:

- Xây dựng và trình ban hành quy hoạch băng tần cho các dịch vụ mới như WiMax, RFID, phát thanh truyền hình.

- Xây dựng và trình ban hành quy định về điều kiện kỹ thuật và khai thác cho các thiết bị vô tuyến điện được sử dụng có điều kiện và không phải xin giấy phép tần số vô tuyến điện.

- Xây dựng và trình ban hành quy hoạch hệ thống các đài, trạm kiểm tra, kiểm soát thông tin vô tuyến điện.

- Đẩy mạnh việc cải cách quy trình, thủ tục cấp phép tần số theo hướng công khai, minh bạch, thuận tiện cho doanh nghiệp và người sử dụng.

3.10. Cục Ứng dụng Công nghệ thông tin: Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý nhà nước về viễn thông và Internet. Triển khai các chương trình đào tạo, phát triển nguồn nhân lực làm lãnh đạo công nghệ thông tin (CIO), các chuyên gia cao cấp về viễn thông và Internet.

3.11. Trung tâm Internet Việt Nam (VNNIC) phối hợp với Vụ Kế hoạch Tài chính, Vụ Viễn thông và các đơn vị liên quan:

- Nghiên cứu, thử nghiệm các công nghệ và triển khai phát triển các dịch vụ mới liên quan đến tài nguyên Internet như IPv6, ENUM; xây dựng và triển khai trung tâm dữ liệu, trung tâm trung chuyển Internet quốc gia nhằm đáp ứng các yêu cầu phát triển nhanh của Internet và việc tích hợp các dịch vụ truyền thông trên một hạ tầng chung.

- Xây dựng và trình ban hành: Quy định về giải quyết tranh chấp tên miền; quy định đăng ký, quản lý, sử dụng tài nguyên Internet; quy định về hoạt động của trung tâm trung chuyển Internet quốc gia trên cơ sở bảo đảm đầu tư, sử dụng tiết kiệm, có hiệu quả phù hợp với Pháp luật hiện hành và tình hình phát triển Internet trong giai đoạn tới.

- Xây dựng và trình ban hành kế hoạch tổng thể phát triển hạ tầng kỹ thuật của VNNIC nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển Internet của xã hội.

3.12. Quỹ dịch vụ Viễn thông công ích:

- Triển khai tích cực hoạt động của Quỹ dịch vụ viễn thông công ích nhằm phân định rõ việc kinh doanh và việc thực hiện nhiệm vụ công ích của doanh nghiệp trong giai đoạn cạnh tranh và hội nhập kinh tế quốc tế.

- Triển khai có hiệu quả chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích giai đoạn 2006 - 2010 nhằm từng bước nâng cao mức độ phổ cập dịch vụ và giảm khoảng cách phát triển về viễn thông và Internet giữa các vùng, miền trong cả nước.

3.13. Trung tâm ứng cứu khẩn cấp máy tính Việt Nam (VNCERT):

- Xây dựng, hoàn thiện và nâng cao năng lực điều phối, ứng cứu, khắc phục sự cố máy tính; tham gia phòng chống tội phạm, chống khủng bố trên mạng viễn thông và Internet.

- Nghiên cứu, đề xuất áp dụng các công nghệ và giải pháp kỹ thuật để tăng độ tin cậy, an toàn cho các giao dịch bằng máy tính trên mạng viễn thông, Internet của các tổ chức, doanh nghiệp và người sử dụng.

- Phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức đào tạo, nâng cao năng lực về an toàn mạng máy tính.

3.14. Viện Chiến lược Bưu chính Viễn thông và Công nghệ thông tin phối hợp với Vụ Viễn thông và các đơn vị liên quan:

- Xây dựng và trình ban hành quy hoạch về truyền dẫn phát sóng, phát thanh truyền hình.

- Theo dõi việc tổ chức triển khai, thực hiện Quy hoạch phát triển viễn thông và Internet. Căn cứ vào tình hình phát triển kinh tế của đất nước, báo cáo Bộ trưởng và trình Thủ tướng Chính phủ những nội dung cần cập nhật, điều chỉnh Quy hoạch phát triển viễn thông và Internet cho phù hợp.

4. Các Sở Bưu chính, Viễn thông:

- Xây dựng, trình phê duyệt và chỉ đạo các doanh nghiệp triển khai thực hiện quy hoạch phát triển viễn thông, Internet của địa phương phù hợp với chiến lược, quy hoạch phát triển của ngành và quy hoạch phát triển kinh tế xã hội của địa phương.

- Hướng dẫn và tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp viễn thông triển khai xây dựng cơ sở hạ tầng viễn thông, ưu tiên về cấp đất và giải phóng mặt bằng; đặc biệt là đối với việc xây dựng các công trình bưu chính, viễn thông trên địa bàn như cột ăng ten, mạng ngoại vi, công bề cáp và điểm phục vụ công cộng.

- Xây dựng cơ chế phối hợp liên ngành trong việc tạo điều kiện cho các doanh nghiệp nâng cao việc sử dụng chung cơ sở hạ tầng giữa các ngành giao thông công chính, điện lực, viễn thông; cơ chế phối hợp giữa ngành viễn thông và ngành công an trong việc đảm bảo an toàn an ninh thông tin.

- Phối hợp với các đơn vị chức năng của Bộ giải quyết và xử lý các tranh chấp về kết nối; đảm bảo việc kinh doanh viễn thông, Internet trên địa bàn thuận lợi và đúng các quy định của Pháp luật.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý hành chính, giải quyết khiếu nại của khách hàng đối với vi phạm về chất lượng dịch vụ, giá cước, tần số vô tuyến điện và kinh doanh trái phép các dịch vụ viễn thông, Internet trên địa bàn.

5. Đối với các doanh nghiệp Viễn thông và Internet:

- Chủ động xây dựng kế hoạch phát triển của doanh nghiệp phù hợp với Quy hoạch phát triển viễn thông và Internet Việt Nam đến năm 2010. Đồng thời đăng ký với Bộ Bưu chính, Viễn thông chỉ tiêu doanh thu; phát triển mạng lưới, dịch vụ; phát triển thuê bao từng năm đến năm 2010.

- Thực hiện đổi mới tổ chức sản xuất, kinh doanh, điều chỉnh cơ cấu sản xuất,

đầu tư nhằm hoạt động có hiệu quả, tăng nhanh khả năng tích lũy bằng nguồn vốn nội sinh, tái đầu tư cho phát triển. Thực hiện việc cổ phần hóa các đơn vị theo kế hoạch phê duyệt, trước mắt tập trung vào các lĩnh vực cung cấp dịch vụ Internet, giá trị gia tăng và thông tin di động.

- Bảo đảm tự chủ trong kinh doanh, hạch toán độc lập, tiến tới xóa bỏ cơ chế bù chéo giữa các dịch vụ viễn thông và Internet.

- Tăng cường thu hút vốn của các thành phần kinh tế trong nước, chú trọng nguồn vốn huy động thông qua cổ phần hóa doanh nghiệp và bán lại dịch vụ.

- Ưu tiên phát triển các dịch vụ mới phù hợp với xu hướng hội tụ công nghệ phát thanh, truyền hình, công nghệ thông tin, viễn thông và xu hướng hội tụ dịch vụ viễn thông cố định với viễn thông di động. Nghiên cứu, triển khai thử nghiệm các công nghệ tiên tiến trong lĩnh vực viễn thông và Internet nhằm đi tắt, đón đầu và nâng cao khả năng cạnh tranh của các doanh nghiệp Việt Nam.

- Điều chỉnh cơ cấu lao động trong ngành viễn thông và Internet theo hướng tăng cường thuê dịch vụ, nhân công bên ngoài để tận dụng lực lượng lao động hội và tăng năng suất lao động trong lĩnh vực viễn thông và Internet.

- Tiếp tục nâng cao hiệu quả hợp tác trong các dự án hợp tác quốc tế hiện có; tìm kiếm cơ hội và triển khai các hình thức hợp tác mới phù hợp pháp luật đầu tư và các cam kết quốc tế của Việt Nam; tìm kiếm thị trường đầu tư kinh doanh ra nước ngoài phù hợp luật pháp và thông lệ quốc tế.

- Thực hiện nghiêm chỉnh các quy định về quản lý chất lượng dịch vụ viễn thông, Internet; thường xuyên tự tiến hành kiểm tra, giám sát chất lượng dịch vụ do mình cung cấp để đảm bảo chất lượng dịch vụ phù hợp với tiêu chuẩn do Bộ Bưu chính, Viễn thông bắt buộc áp dụng và chất lượng do doanh nghiệp cung cấp.

- Các doanh nghiệp viễn thông, Internet mới (ngoài Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam - VNPT) cần bám sát Quy hoạch phát triển viễn thông và Internet; có định hướng phát triển tốt; nhanh chóng xây dựng, triển khai mạng lưới, cung cấp dịch vụ viễn thông, Internet với mục tiêu đạt 40% - 50% thị phần vào năm 2010 đối với một số dịch vụ quan trọng như điện thoại quốc tế, thuê kênh, thông tin di động, Internet băng rộng; tạo môi trường cạnh tranh dịch vụ viễn thông, Internet lành mạnh.

Vụ Viễn thông có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Chi thị này; phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan để giải quyết kịp thời những vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện và báo cáo kết quả lên Bộ trưởng./.

BỘ TRƯỞNG

Đỗ Trung Tá

